

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản mô tả chương trình giáo dục đại học hệ chính quy ngành Luật, mã số: 7380101 của Trường Đại học Khoa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-ĐHKH ngày 09/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 596a/QĐ-ĐHKH ngày 10/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành chương trình giáo dục đại học hệ chính quy ngành Luật, mã số: 7380101 của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường Đại học Khoa học, kỳ họp ngày 05/7/2020 về việc điều chỉnh, cập nhật và thông qua các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học;

Theo đề nghị của Trường phòng ĐT - QLKH&HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản mô tả chương trình giáo dục đại học hệ chính quy ngành Luật, mã số: 7380101 (Bản mô tả chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trường phòng ĐT - QLKH&HTQT, Trưởng khoa Luật và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (t/h);
- BGH (để b/c);
- Voffice;
- Lưu: VT, ĐT-QLKH&HTQT (3)



PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 947^u/QĐ-ĐHKH, ngày 16 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt: **LUẬT**

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: **LAW**

Ngành đào tạo: **LUẬT**

Mã ngành: 7380101

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: Chính quy

Văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân ngành Luật

Hình thức đào tạo: Tập trung

1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên được ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN.

1. Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt	Luật
2. Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh	Law
3. Mã ngành đào tạo	7380101
4. Trường cấp bằng	Trường Đại học Khoa học
5. Tên gọi văn bằng	Cử nhân Luật
6. Trình độ đào tạo	Đại học
7. Số tín chỉ yêu cầu	135 tín chỉ
8. Khoa quản lý	Khoa Luật
9. Hình thức đào tạo	Chính quy
10. Thời gian đào tạo	4 năm
11. Đối tượng tuyển sinh	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; Người tốt nghiệp trung cấp nhưng

	<p>chưa có bằng tốt nghiệp THPT đã học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT.</p>
<p>12. Phương thức tuyển sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học. - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT. - Xét tuyển dựa vào kết quả học tập được ghi trong học bạ THPT. - Các phương thức khác. <p>Với mỗi phương thức, mỗi ngành đào tạo, căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định của Đại học Thái Nguyên, hàng năm Trường Đại học Khoa học sẽ có các quy định cụ thể về: điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào, hình thức đăng ký xét tuyển, hồ sơ đăng ký xét tuyển... và sẽ thông báo chi tiết trên website của Nhà trường tại địa chỉ: <i>tnus.edu.vn</i></p>
<p>13. Thang điểm đánh giá</p>	<p>Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:</p> <p>a) Theo thang điểm 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc; Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi; Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá; Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình; Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu; Dưới 1,0: Kém. <p>b) Theo thang điểm 10:</p> <ul style="list-style-type: none"> Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc; Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

	<p>Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;</p> <p>Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;</p> <p>Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;</p> <p>Dưới 4,0: Kém.</p>
14. Điều kiện tốt nghiệp	<p>SV được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Tích lũy đủ HP, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.</p> <p>b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;</p> <p>c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;</p> <p>d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm HP thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác (nếu có) do Nhà trường quy định;</p> <p>đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành nội dung giáo dục thể chất.</p> <p>e) Đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và các điều kiện đặc thù theo CTĐT (nếu có).</p>
15. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	<p>Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên hành chính tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp quốc doanh và doanh nghiệp tư nhân; - Thư ký Tòa án: giúp việc cho Thẩm phán, đủ khả năng được bồi dưỡng lên ngạch Thẩm phán sau thời gian làm việc, công

	<p>hiến nhất định;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn viên pháp lý: thực hiện hoạt động tư vấn luật tại các tổ chức hành nghề luật, bất động sản, hội luật gia; tư vấn viên pháp lý được Sở Tư pháp cấp thẻ hành nghề. - Đủ khả năng làm việc ở các vị trí khác nhau tại các cơ quan tư pháp (tòa án, Viện kiểm sát), Sở tư pháp, công an, cảnh sát như: chấp hành viên, điều tra viên, thừa phát lại, giám định viên, chuyên viên pháp lý, công chứng viên - Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy pháp luật tại trường học, viện nghiên cứu. - Tự thành lập tổ chức hành nghề luật độc lập của riêng mình.
16. Học tập nâng cao trình độ	Người học tốt nghiệp cử nhân ngành Luật có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ Luật.
17. Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình	Ngày 20/8/2020

1.2. Sứ mạng - Triết lý giáo dục của nhà trường

1.2.1. Sứ mạng

Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực khởi nghiệp và hội nhập quốc tế dựa trên đổi mới sáng tạo; nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ và tri thức đa ngành, đa lĩnh vực nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường của khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

1.2.2. Triết lý giáo dục của nhà trường

TOÀN DIỆN - KHAI PHÓNG - HỘI NHẬP

TOÀN DIỆN: Trường Đại học Khoa học cung cấp nhiều chương trình đào tạo thuộc đa ngành, đa lĩnh vực, từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội và nhân văn, từ định hướng nghiên cứu đến định hướng ứng dụng. Tại Trường Đại học Khoa học, người học được cung cấp một nền tảng kiến thức rộng, những kỹ năng thiết yếu, những cảm nhận mạnh mẽ về các giá trị đạo đức, tính tự chủ và trách nhiệm. Thông qua chương trình

đào tạo và chương trình dạy học, người học được kết hợp giữa học tập và trải nghiệm nhằm đạt được các chuẩn đầu ra cần thiết cho công việc và cuộc sống.

KHAI PHÓNG: Trường Đại học Khoa học hướng đến việc phát triển tối đa tiềm năng của mỗi người học và trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng cần thiết, giúp họ luôn sẵn sàng cho một thế giới phức tạp, đa dạng và luôn thay đổi. Tại trường Đại học Khoa học, người học được khuyến khích phát triển tư duy phản biện và tự do của mình.

HỘI NHẬP: Trường Đại học Khoa học xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận với các chuẩn quốc tế, liên kết quốc tế, các chương trình đào tạo đa văn hóa. Tại trường Đại học Khoa học, người học được trang bị kiến thức ngoại ngữ, được tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng của xã hội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý, có các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các Cử nhân luật có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Có kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu về ngành Luật và vận dụng được các kiến thức đó vào giải quyết các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực công tác.

MT2. Có kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn.

MT3. Có kỹ năng và thái độ cá nhân, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có kỹ năng nhận thức, tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý nói chung; vận dụng kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật đáp ứng vị trí việc làm.

MT4. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng soạn thảo các văn bản, đàm phán hợp đồng và các kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT5. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; thích ứng được với sự thay đổi của xã hội; hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng

nền tảng để tiếp tục học tập ở trình độ cao; tự lập nghiệp, có khả năng tự học, lập kế hoạch học tập, trải nghiệm.

3. Chuẩn đầu ra và thang trình độ năng lực

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành.	
1.1	<i>Lĩnh hội các kiến thức giáo dục đại cương:</i> Làm rõ các kiến thức về chính trị, lịch sử, văn hoá, tâm lý; giáo dục thể chất; sử dụng kiến thức tin học, ngoại ngữ.	2
1.2	<i>Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành:</i> Vận dụng kiến thức Lý luận về Nhà nước và pháp luật; pháp luật Hiến pháp, pháp luật Hành chính; pháp luật Hình sự và Tố tụng Hình sự; pháp luật Dân sự và Tố tụng Dân sự; pháp luật Thương mại, Lao động, Đất đai, Hôn nhân và Gia đình, Tài chính; pháp luật Quốc tế.	3
1.3	<i>Vận dụng các kiến thức chuyên ngành:</i> Vận dụng các kiến thức lý luận chuyên sâu và thực tiễn pháp lý để giải quyết những vấn đề chuyên ngành sâu thuộc một trong lĩnh vực pháp luật Hành chính Nhà nước, pháp luật Hình sự, pháp luật Dân sự, pháp luật Kinh tế, pháp luật Quốc tế.	3
2	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp	
2.1	<i>Có khả năng giải quyết vấn đề:</i> phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề; liên hệ kiến thức chuyên ngành luật để giải quyết các vụ việc pháp lý thực tế; đưa ra giải pháp, khuyến nghị, đánh giá và đề xuất.	3
2.2	<i>Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức:</i> biết nhận diện các quan hệ pháp luật và xác định pháp luật điều chỉnh; phân tích, bình luận pháp luật Việt Nam; biết so sánh, đối chiếu pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế; biết lập giả thuyết, tìm kiếm, tổng hợp tài liệu; cập nhật thông tin trong lĩnh vực	4

	pháp lý.	
2.3	<i>Có tư duy hệ thống:</i> phát hiện các yếu tố trọng điểm, mối tương quan giữa các yếu tố; khái quát hoá vấn đề; chỉ ra, phân tích ưu điểm, hạn chế và xây dựng giải pháp hợp lý.	3
2.4	<i>Có kỹ năng và phẩm chất cá nhân:</i> Hình thành tính kiên trì, quyết đoán, linh hoạt; biết quản lý thời gian và nguồn lực; có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân đối với việc phát triển nghề nghiệp và có kế hoạch thực hiện mục tiêu đó; có tư duy phản biện, tư duy hệ thống, có khả năng tự học.	3
2.5	<i>Có kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp:</i> Soạn thảo thành thạo văn bản pháp luật; có kỹ năng tư vấn pháp luật; đàm phán, soạn thảo hợp đồng; giải quyết vụ việc dân sự, hình sự, tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo; có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, yêu nghề; tinh thần trách nhiệm với công việc; chủ động, tự tin trong công việc, dám làm dám chịu trách nhiệm; có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, lợi ích công cộng; có tinh thần thượng tôn pháp luật.	4
3	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ	
3.1	<i>Có kỹ năng làm việc nhóm:</i> Có khả năng thành lập nhóm, hướng dẫn, giám sát, phối hợp thành viên trong nhóm giải quyết công việc hiệu quả.	3
3.2	<i>Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả:</i> kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thể hiện ý kiến, bảo vệ quan điểm cá nhân; kỹ năng đặt vấn đề, giải quyết vấn đề trong giao tiếp; có kỹ năng thuyết minh và thuyết phục trong giao tiếp.	3
3.3	<i>Có kỹ năng ngoại ngữ:</i> sử dụng Tiếng Anh ở mức cơ bản; vận dụng một số thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành luật.	3

4	Năng lực hình thành ý tưởng; xây dựng, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý; áp dụng các kiến thức vào thực tiễn.	
4.1	<i>Làm rõ bối cảnh xã hội và môi trường:</i> Hiểu vai trò và trách nhiệm của người học luật đối với xã hội, hiểu sự ảnh hưởng của pháp luật đối với xã hội và sự tác động của xã hội đối với pháp luật; hiểu các vấn đề của thời đại và phát triển theo xu hướng hội nhập quốc tế.	2
4.2	<i>Xác định bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức:</i> Nhận diện được bối cảnh kinh tế - xã hội; có khả năng thích ứng với các điều kiện và môi trường làm việc khác nhau; có ý thức kỷ luật, chủ động, tự tin trong công việc; có khả năng làm việc thành công trong tổ chức.	2
4.3	<i>Có năng lực hình thành ý tưởng trong hoạt động hành nghề luật:</i> hiểu yêu cầu và mục tiêu của hoạt động; xác định nội dung của hoạt động; dự báo tính khả thi của ý tưởng.	3
4.4	<i>Có năng lực xây dựng phương án thực hiện hoạt động pháp lý:</i> xác định các bước thực hiện; có khả năng xây dựng phương án thực hiện cụ thể, có tính khả thi; lựa chọn phương án thực hiện.	3
4.5	<i>Có năng lực triển khai thực hiện hoạt động pháp lý:</i> biết lựa chọn nguồn lực và phương pháp thực hiện; tổ chức thực hiện, quản lý, đánh giá hoạt động.	3
4.6	<i>Có năng lực đánh giá hoạt động pháp lý:</i> đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh hoạt động pháp lý.	3

3.2. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
TĐNL ≤ 1.0	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/nhận ra/nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
1.0 < TĐNL ≤ 2.0	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ

		các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận,...
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$		Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$	Thành thạo	Đánh giá: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Sinh viên kiến tạo/sắp xếp/tổ chức/thiết kế/khái quát hoá các chi tiết/bộ phận theo cách khác/mới để tạo ra cấu trúc/mô hình mới

4. Phương pháp giảng dạy – học tập và phương pháp kiểm tra, đánh giá

4.1. Ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra với phương pháp dạy học của chương trình đào tạo

STT	Phương pháp dạy học	Kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành			Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp					Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ			Năng lực hình thành ý tưởng; xây dựng, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý; áp dụng các kiến thức vào thực tiễn					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
1)	Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X			X	X	X	X			

2)	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3)	Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
4)	Làm bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x					
5)	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6)	Đóng vai		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
7)	Tranh luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x
8)	Thực tập/ thực tế chuyên môn				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
9)	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			

4.1. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra đánh giá người học

STT	PP đánh giá sinh viên	Kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành			Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp					Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ			Năng lực hình thành ý tưởng; xây dựng, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý; áp dụng các kiến thức vào thực tiễn.					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
1.	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2.	Đánh giá	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x				

	bài tập																	
3.	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
4.	Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5.	Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		
6.	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x		x	x	x				x	x	x				
7.	Thi vấn đáp	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x			
8.	Thi Tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		
9.	Thi Tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
10.	Viết báo cáo		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x

5. Mô tả chương trình dạy học

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ (Không bao gồm nội dung giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng).

5.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	43 (31,9%)	40	3
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92 (68,1%)	80	12
- Kiến thức cơ sở ngành	53 (39,3%)	51	2
- Kiến thức chuyên ngành	22 (16,3%)	12	10
+ Thực tập, thực tế chuyên môn	10 (7,4%)	10	
- Khóa luận (hoặc học phân thay thế)	7 (5,2%)	7	
Tổng	135	120	15

5.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; học trước (*)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	43		
1.1	Lý luận chính trị	11		
1.1.1	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	
1.1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30/0/0/60	
1.1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30/0/0/60	
1.1.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	
1.1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/60	
1.2	Ngoại ngữ	10		
1.2.1	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
1.2.2	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	
1.2.3	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	
1.3	Tin học - Khoa học tự nhiên	6		
1.3.1	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
1.3.2	Môi trường và phát triển bền vững	3	30/0/30/90	
1.4	Khoa học xã hội và nhân văn	16		
1.4.1	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
1.4.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
1.4.3	Logic học đại cương	2	30/0/0/60	
1.4.4	Đạo đức nghề luật	2	25/10/0/60	
1.4.5	Tiếng Việt thực hành	3	45/0/0/90	
1.4.6	Tự chọn	3/12		
1.4.6.1	Tâm lý học tư pháp	3	40/10/0/90	
1.4.6.2	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	45/0/0/90	
1.4.6.3	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
1.4.6.4	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	45/0/0/90	
1.5	Giáo dục thể chất (*)			
1.6	Giáo dục quốc phòng (*)			

2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành	53		
Bắt buộc		51		
2.1.1	Lý luận Nhà nước và pháp luật	5	70/10/0/150	
2.1.2	Luật Hiến pháp	4	55/10/0/120	
2.1.3	Luật Hành chính	3	40/10/0/90	
2.1.4	Luật Dân sự 1	3	40/10/0/90	
2.1.5	Luật Dân sự 2	3	40/10/0/90	
2.1.6	Luật Tố tụng dân sự	3	40/10/0/90	
2.1.7	Luật Hôn nhân và gia đình	3	40/10/0/90	
2.1.8	Luật Hình sự 1	3	40/10/0/90	
2.1.9	Luật Hình sự 2	3	40/10/0/90	
2.1.10	Luật Tố tụng hình sự	3	40/10/0/90	
2.1.11	Luật Thương mại	4	55/10/0/120	
2.1.12	Luật Đất đai	3	40/10/0/90	
2.1.13	Luật Lao động	3	40/10/0/90	
2.1.14	Luật Quốc tế	3	40/10/0/90	
2.1.15	Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	25/10/0/60	
2.1.16	Luật Tài chính	3	40/10/0/90	
Tự chọn		2/6		
2.1.17	Những vấn đề lớn của thời đại	2	30/0/0/60	
2.1.18	Luật học so sánh	2	25/10/0/60	
2.1.19	Tiếng Anh chuyên ngành luật	2	25/10/0/60	
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành	22		
Bắt buộc		12		
2.2.1	Luật Sở hữu trí tuệ	3	40/10/0/90	
2.2.2	Lý luận về định tội danh	3	40/10/0/90	
2.2.3	Pháp luật An sinh xã hội	3	40/10/0/90	
2.2.4	Tư pháp quốc tế	3	40/10/0/90	
Tự chọn 1		6/24		

2.2.5	Tội phạm học	3	40/10/0/90	
2.2.6	Khoa học điều tra hình sự	3	40/10/0/90	
2.2.7	Pháp luật về công chứng, chứng thực	3	40/10/0/90	
2.2.8	Xây dựng văn bản pháp luật	3	40/10/0/90	
2.2.9	Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	3	40/10/0/90	
2.2.10	Luật thi hành án dân sự	3	40/10/0/90	
2.2.11	Luật Ngân hàng	3	40/10/0/90	
2.2.12	Luật thương mại quốc tế	3	40/10/0/90	
Tự chọn 2		4/12		
2.2.13	Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự	2	20/20/0/60	
2.2.14	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	20/20/0/60	
2.2.15	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	2	20/20/0/60	
2.2.16	Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự	2	20/20/0/60	
2.2.17	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo	2	20/20/0/60	
2.2.18	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2	20/20/0/60	
2.3	Thực tế, thực tập	10		
2.3.1	Thực tế chuyên môn 1	3	0/90/0/90	
2.3.2	Thực tế chuyên môn 2	3	0/90/0/90	
2.3.3	Thực tập tốt nghiệp	4	0/120/0/120	
2.4	Khóa luận TN hoặc HP thay thế	7		
	Học phần thay thế (SV lựa chọn các học phần tự chọn chưa học)	7		
Tổng		135		

6. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ENG141	Tiếng Anh 1 English 1	4	

2	FCV131	Cơ sở văn hóa Việt Nam Fundamental culture of Viet Nam	3	
3	GIF131	Tin học đại cương General Informatics	3	
4	TSL251	Lý luận NN và pháp luật General Theory of State and Law	5	
5	Tự chọn		3/12	
5.1	GHV131	Lịch sử Việt nam đại cương General history of Viet Nam	3	
5.2	LPS131	Tâm lý học tư pháp Legal Psychological	3	
5.3	COS131	Kỹ năng giao tiếp Communication skill	3	
	LTS131	Kỹ thuật soạn thảo văn bản Legal text editing skill	3	
5.4	PHE101	Giáo dục thể chất 1		
Tổng			18	

Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ENG142	Tiếng Anh 2 English 2	3	
2	VTP131	Tiếng Việt thực hành Vietnamese theory and practice	3	
3	PML131	Triết học Mác Lê nin Philosophy of marxism and Leninism	3	
4	LOG121	Logic học	2	
5	COL241	Luật Hiến pháp Constitutional Law	4	

6	ADL231	Luật Hành chính Administrative Law	3	
7	PHE102	Giáo dục thể chất 2		
Tổng			18	

Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	CIL241	Luật Dân sự 1 Civil Law 1	3	
2	CRL231	Luật Hình sự 1 Criminal Law 1	3	
3	INL231	Luật Quốc tế International law	3	
4	ENG133	Tiếng Anh 3 English 3	3	
5	MPE121	Kinh tế chính trị Mác Lê nin Political economics of marxism and Leninism	2	
6	ESD131	Môi trường và phát triển bền vững Environment and sustainable development	3	
Tổng			17	

Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	CIL242	Luật Dân sự 2 Civil Law 2	3	
2	CML241	Luật Thương mại Commercial law	4	
3	CRL232	Luật Hình sự 2 Criminal Law 2	3	

4	LAL231	Luật Đất đai Land Law	3	
5	LAW421	Thực tế chuyên môn 1	3	
6		Tự chọn	2/6	
6.1	EIA221	Những vấn đề lớn của thời đại Enormous issue of the Age	2	
6.2	COL241	Luật học so sánh Comparative Law	2	
6.3	LEN221	Tiếng Anh chuyên ngành luật Legal English	2	
7	MIE101	Giáo dục quốc phòng		
Tổng			18	

Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LMF232	Luật Hôn nhân và gia đình Law on Marriage and Family	3	
2	LBL231	Luật Lao động Labour Law	3	
3	CIP231	Luật Tố tụng dân sự Civil Procedure	3	
4	CRL232	Luật Tố tụng hình sự Criminal Procedure	3	
5	FIL232	Luật Tài chính Financial law	3	
6	CEV221	Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam Customary of Ethnic minority in Viet Nam	2	
Tổng			17	

Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	HIS121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	2	
2	IPL331	Tư pháp quốc tế International private law	3	
3	IPL331	Luật Sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property	3	
4	TDC331	Lý luận về định tội danh Theory of define crime	3	
5	LSS331	Pháp luật An sinh xã hội Law on Social Security	3	
6	LEM121	Đạo đức nghề luật Legal Morality	2	
7	LAW432	Thực tế chuyên môn 2	3	
Tổng			19	

Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh 's thought	2	
2	SCS121	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	
3	SOS131	Xã hội học đại cương Society science	3	
4		Tự chọn 1	6/24	
5	CRI331	Tội phạm học Criminology	3	
6	CIS331	Khoa học điều tra hình sự Criminal Investigation Science	3	



7	LNC331	Pháp luật về công chứng, chứng thực Law on notarization and certification	3	
8	DRL331	Xây dựng văn bản pháp luật Drafting legislation	3	
9	SEI331	Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Security interests	3	
10	LEC331	Luật thi hành án dân sự Law on enforcement of civil judgments	3	
11	BAL331	Luật Ngân hàng Banking law	3	
12	ITL331	Luật thương mại quốc tế International Trade Law	3	
13	CCS321	Tự chọn 2	4/12	
14	LCS321	Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự Civil cases resolution skill	2	
15	LDS321	Kỹ năng tư vấn pháp luật Legal consulting skill	2	
16	CRS321	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai Land dispute resolution skill	2	
17	HDS321	Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự Criminal cases resolution skill	2	
18	CDS321	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo Skills in handling complaints and denunciations	2	
19	CNS321	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng Contract negotiation and drafting skills	2	
Tổng			17	

Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LAW441	Thực tập tốt nghiệp	4	
2	LAW904	Khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế	7	
<i>Sinh viên lựa chọn học phần chưa học trong các học phần tự chọn của chương trình đào tạo để thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				
Tổng			11	

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

7.1. *Triết học Mác - Lê nin (3 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

7.2. *Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (2 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn chỉ ra tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

7.3. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lê nin

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

7.4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

7.5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Triết học Mác Lê nin

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chính sách đường lối, pháp luật của Đảng, của Nhà nước. Bên cạnh đó, cung cấp thêm tri thức các lĩnh vực như khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu sự vận động của xã hội, thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

7.6. Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (60/0/0/120)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phân cung cấp cho sinh viên những kiến thức hướng trọng tâm vào củng cố ngữ pháp tiếng Anh và viết tiếng Anh, tập trung vào phân tích câu chữ và viết các bài luận, thuyết trình cơ bản tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu.

7.7. Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phân cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong việc rèn nghe tiếng Anh và luyện phát âm tiếng Anh, thuyết trình cơ bản tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu.

7.8. Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45(45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phân rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phản xạ trong giao tiếp tiếng Anh, có thể trao đổi, nói chuyện về các chủ đề thông thường trong đời sống cũng như một số chủ đề mang tính học thuật bằng tiếng Anh.

7.9. Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45(30/0/30/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung chính của học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng. Nắm vững các khái niệm cơ bản trong tin học. Kỹ năng sử dụng: Hệ điều hành Windows, Microsoft Word, Microsoft Excel. Biết sử dụng Internet, tìm kiếm và khai thác thông tin.

7.10. Môi trường và phát triển bền vững (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung chính của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển, tạo cơ sở để nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học - công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn.

7.11. Lý luận Nhà nước và pháp luật (5 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 75 (70/10/150)

Môn học trước: Không



Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: “Lý luận Nhà nước và pháp luật” là môn học cơ bản, quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, cụ thể như: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước như: chức năng của nhà nước, hình thức của các nhà nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các bộ máy nhà nước...; những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật.

7.12. Logic học đại cương (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về logic học, đó là nghiên cứu các hình thức logic của tư duy, vạch ra những qui tắc, qui luật của quá trình tư duy. Qua đó khẳng định tính đúng đắn của tư duy. Tuân theo các qui tắc, qui luật là điều kiện cần để đạt tới chân lí trong quá trình phản ánh hiện thực.

7.13. Đạo đức nghề luật (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Đạo đức nghề luật là một trong những môn học về đạo đức nghề nghiệp. Đây là môn học thuộc khối kiến thức nhập môn, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật những kiến thức bổ trợ cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai. Trên cơ sở đó, học phần còn nhằm nâng cao ý thức tự giác về các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trong việc chấp hành các nghĩa vụ đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, trong đó trọng tâm nghiên cứu là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán. Môn học cũng nghiên cứu mối quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức nghề luật với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội, góp phần xây dựng và củng cố sự tin cậy trong xã hội đối với nghề luật ở Việt Nam.

7.14. Lịch sử Việt Nam đại cương (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành và phát triển của các kiểu nhà nước và pháp luật ở Việt Nam.

7.15. Tâm lý học tư pháp (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Tâm lý học Tư pháp trang bị cho sinh viên một hệ thống tri thức khoa học cơ bản về tâm lý học tư pháp như đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học tư pháp. Những khía cạnh tâm lý của tội phạm, đặc điểm và các biểu hiện tâm lý của người phạm tội, những nhân tố ảnh hưởng đến trạng thái tâm lý của người thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời làm rõ những khía cạnh tâm lý của hoạt động điều tra, xét xử và quá trình giáo dục, cải tạo phạm nhân. Việc học tập và nghiên cứu tâm lý học tư pháp sẽ giúp cho sinh viên ngành luật hình thành được các kỹ năng trong giao tiếp, làm việc nhóm và vận dụng được những kiến thức tâm lý tư pháp vào các lĩnh vực công tác như điều tra, xét xử, giáo dục phạm nhân.

7.16. Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giúp sinh viên có thể nâng cao khả năng giao tiếp, biết cách ứng xử và đặt vấn đề giải quyết vấn đề thông qua giao tiếp.

7.17. Những vấn đề lớn của thời đại (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và sự hiểu biết cơ bản về những vấn đề lớn của thời đại ngày nay. Những xu hướng biến đổi xã hội và những mâu thuẫn cơ bản của tình hình trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề cơ bản của toàn cầu hiện nay như Toàn cầu hóa kinh tế, cạnh tranh độc quyền, nền kinh tế tri thức, cách mạng khoa học kỹ thuật. Những vấn đề cấp bách của toàn cầu hiện nay như ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, khủng bố và nghèo đói. Học phần có mối liên hệ trực tiếp với những vấn đề về chính sách, chiến lược cũng như những định hướng phát triển của toàn cầu nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên phương pháp tư duy, khả năng đánh giá và dự báo những vấn đề của thế giới cũng như trong nước. Phục vụ cho công tác quản lý xã hội, góp phần vào việc đánh giá hệ thống chính sách và pháp luật một cách hiệu quả.

7.18. Giáo dục thể chất

Nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về giáo dục thể dục thể thao: Lịch sử hình thành, phát triển của thể dục, thể thao Việt Nam; Phong trào Olympic; Giáo dục thể chất trong trường đại học; Một số khái niệm cơ bản liên quan trong lĩnh vực thể dục, thể thao; Chấn thương trong thể thao và các bệnh thường gặp trong tập luyện thể dục, thể thao; Khái quát chung về kỹ thuật và luật một số môn Thể thao. Thực hành kỹ thuật một số môn thể thao

7.19. Giáo dục quốc phòng

Giáo dục quốc phòng - an ninh góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7.20. Luật Hiến pháp (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (55/10/0/120)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về Hiến pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Luật cơ bản của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Môn học giúp sinh viên tìm hiểu về lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013; hiểu biết về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

7.21. Luật Hành chính (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Luật hành chính trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước và pháp luật về quản lý hành chính nhà nước như địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; thủ tục hành chính; phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước. Sinh viên cũng sẽ hiểu được mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

7.22. Luật Dân sự 1 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên về tổng hợp các khái niệm và nội dung, đặc điểm của:

- Các quy định chung về quan hệ dân sự, giao dịch dân sự, các quy định về tài sản và quyền sở hữu;

- Các quy định của pháp luật về: Tài sản và quyền sở hữu, Các hình thức sở hữu; Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu; Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu

- Những quy định chung về thừa kế: Thừa kế theo di chúc; Thừa kế theo pháp luật.

7.23. Luật Dân sự 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45(40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp các kiến thức về nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hợp đồng dân sự, các loại hợp đồng dân sự và nội dung cơ bản của các hợp đồng dân sự cụ thể; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

7.24. Luật Hình sự 1 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Luật hình sự giới thiệu hệ thống lý luận về hình sự gồm: khái niệm luật hình sự và đạo luật hình sự, các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự, các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự, tội phạm và cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm, các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự, hình phạt, hệ thống hình phạt, biện pháp tư pháp. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định hành vi phạm tội, quyết định hình phạt, xử lý các tình huống pháp lý hình sự cụ thể.

7.25. Luật Hình sự 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Luật hình sự 2 giới thiệu các dấu hiệu đặc trưng của từng tội phạm và nhóm tội phạm cụ thể; phân tích được những dấu hiệu pháp lý của

từng tội phạm; đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể; chỉ ra được sự giống nhau và khác nhau của các tội phạm cụ thể; là cơ sở để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định hành vi phạm tội, phân biệt được danh này với tội danh khác.

7.26. Luật Thương mại (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (45/30/0/120)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Luật thương mại là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Sinh viên được cung cấp kiến thức về quy chế pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh... cũng như nội dung về thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại... kiến thức về chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại.

7.27. Luật Đất đai (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Luật Đất đai cung cấp những kiến thức cơ bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai của nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lý cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất ... Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.

7.28. Luật Lao động (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Luật Lao động nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng, ban hành, áp dụng pháp luật lao động. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Quản lý nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể, an toàn lao động, vệ sinh lao động, tranh chấp lao động, đình công.

7.29. Luật Hôn nhân và gia đình (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của Luật Hôn nhân và gia đình gồm: hệ thống các nguyên tắc, các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình, về các loại chủ thể, khách thể của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; khái quát về các căn cứ phát sinh, nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự; về chế định kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật, quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ con, quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình, cấp dưỡng, chấm dứt hôn nhân, hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

7.30. Luật Tài chính (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Luật Tài chính được thiết kế là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật của Trường Đại học Khoa học. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính công và pháp luật về tài chính công như ngân sách nhà nước (NSNN) và pháp luật về NSNN, các chính sách thuế của Việt nam. Qua môn học này, người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về vai trò, mục tiêu và những đặc trưng cơ bản của các sắc thuế; chế độ pháp lý xử lý vi phạm pháp luật về thuế;

7.31. Luật Ngân hàng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Luật Ngân hàng được thiết kế là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật của Trường Đại học Khoa học. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản của trong mọi lĩnh vực tổ chức, hoạt động của ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng. Qua môn học này, người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về vai trò, mục tiêu và những đặc trưng cơ bản của các Tổ chức tín dụng; địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh ngân hàng và quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng.

7.32. Luật Tổ tụng dân sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức về những Chương lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án... tổng hợp lại là những kiến thức về tố tụng dân sự liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự và các Chương khác liên quan.

7.33. Luật Tố tụng hình sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học luật Tố tụng hình sự là môn khoa học pháp lí cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về tố tụng hình sự và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về Tố tụng hình sự và những giai đoạn cụ thể trong trình tự giải quyết vụ án hình sự.

Môn học luật TTHS nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức và công dân.

7.34. Tư pháp quốc tế (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/30/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Tư pháp quốc tế là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho SV hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế, quy định của pháp luật về các quan hệ giữa công dân và pháp nhân phát sinh trong đời sống quốc tế như quan hệ sở hữu, hợp đồng thương mại quốc tế, thừa kế, hôn nhân gia đình hoặc tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài.

7.35. Lý luận về định tội danh (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học lý luận về định tội danh là môn khoa học pháp lý ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về vấn đề lý luận về định tội danh, định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm, định tội danh trong một số trường hợp đặc biệt và quyết định hình phạt. Bên cạnh đó, môn học này còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng định tội danh trong những vụ án thực tế

7.36. Luật quốc tế (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Hiến pháp

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế giữa các nhà nước, các chủ thể của luật quốc tế; nguyên tắc của luật quốc tế; luật biển, hàng hải và hàng không quốc tế cũng như biện pháp giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.

7.37. Pháp luật An sinh xã hội (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Lao động

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Pháp luật An sinh xã hội là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về pháp luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội.

7.38. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2, Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng là môn học kỹ năng pháp lý chuyên ngành, cung cấp các kiến thức pháp lý - thực tiễn về quá trình soạn thảo hợp đồng nói chung; các chú ý, hướng dẫn khi soạn thảo các hợp đồng dân sự cụ thể như: hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản, hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản, hợp đồng có nội dung là công việc...; các chú ý, hướng dẫn khi soạn thảo các hợp đồng thương mại cụ thể như: hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng cung cấp dịch vụ...; các biện pháp nhằm phòng tránh rủi ro khi soạn thảo một hợp đồng.

Ngoài ra, học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về kỹ thuật, chiến thuật đàm phán Hợp đồng.

7.39. Luật Sở hữu trí tuệ (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: khái niệm và điều kiện bảo hộ đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ gồm có quyền tác giả, quyền liên quan và các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp; trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, nội dung và giới hạn quyền sở hữu trí tuệ; chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nhận diện được các đối tượng sở hữu trí tuệ, cách thức, điều kiện xác lập, chuyển giao, chấm dứt và bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ.

7.40. Kỹ năng tư vấn pháp luật (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2, Luật Hình sự 2, Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kỹ năng tư vấn pháp luật cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật. Việc nghiên cứu, giảng dạy môn học này nhằm giúp người học tiếp cận và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật chuyên ngành.

7.41. Tiếng Việt thực hành (3 tín chỉ) – đã sửa lại số TC

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến câu, từ, sử dụng câu và đặt câu hoàn chỉnh, biểu lộ ý nghĩa trong nội dung câu văn và trình bày ý, câu một cách rõ ràng.

7.42. Pháp luật về công chứng, chứng thực (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Hành chính

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Pháp luật về công chứng, chứng thực là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động công

chứng, chứng thực. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực, thông qua đó đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và các vấn đề có liên quan.

7.43. Kỹ thuật soạn thảo văn bản (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống các văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật, vai trò của văn bản pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; về chức năng của từng loại văn bản, thẩm quyền ban hành, thể thức và trình tự, thủ tục xây dựng các văn bản pháp luật; cách thức kiểm tra và xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết.

Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nhận diện các hình thức văn bản pháp luật phù hợp, đúng thẩm quyền để giải quyết công việc; thực hành soạn thảo một số văn bản pháp luật thông dụng theo trình tự, thủ tục, ngôn ngữ đúng quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc học tập và quá trình công tác sau này.

7.44. Xây dựng văn bản pháp luật (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/30/0/90)

Môn học trước: Luật Hành chính, Luật Hiến pháp

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Xây dựng văn bản pháp luật nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống các văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật, vai trò của văn bản pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; về chức năng của từng loại văn bản, thẩm quyền ban hành, thể thức và trình tự, thủ tục xây dựng các văn bản pháp luật; cách thức kiểm tra và xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết.

Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nhận diện các hình thức văn bản pháp luật phù hợp, đúng thẩm quyền để giải quyết công việc; thực hành soạn thảo một số văn bản pháp luật thông dụng theo trình tự, thủ tục, ngôn ngữ đúng quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc học tập và quá trình công tác sau này.

7.45. Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Luật Đất đai

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về các phương thức, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai trong một số trường hợp cụ thể.

7.46. Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự (2 tín chỉ)



Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học kiến thức thuộc hai vấn đề cốt lõi:

Một là, cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về trình tự giải quyết vụ án cũng như thi hành án như: Khởi kiện, thụ lý vụ án, hòa giải, chuẩn bị xét xử; Phiên tòa sơ thẩm; Thủ tục phúc thẩm; Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; Thủ tục giải quyết việc dân sự; Thủ tục giải quyết vụ việc có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong TTDS; Thi hành án dân sự.

Hai là, tổng hợp vấn đề theo chiều dọc để học viên nắm được các bước cơ bản để giải quyết đúng đắn vụ việc như: Xác định lĩnh vực tranh chấp; quan hệ pháp luật cụ thể tranh chấp; xác định văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh; lựa chọn quy phạm pháp luật cụ thể... để giải quyết đúng đắn tranh chấp dân sự.

7.47. Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và rèn luyện kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nhân dân thông qua hoạt động lập hồ sơ, tư vấn cũng như hỗ trợ pháp lý tại tòa án, ngoài ra, học phần cũng cung cấp các thông tin, kỹ năng nắm bắt tâm lý các đối tượng, phương hướng tổ chức thực hiện một cuộc hòa giải tại các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư.

7.48. Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học kỹ năng giải quyết vụ án hình sự là môn khoa học pháp lý giúp người học củng cố những kiến thức lí luận và cung cấp những kiến thức thực tiễn về kỹ năng giải quyết vụ án hình sự của người tiến hành tố tụng. Môn học này chủ yếu nghiên cứu các kỹ năng thực hành một số hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ở các giai đoạn tố tụng và kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp luật trong tố tụng hình sự.

7.49. Tội phạm học (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tội phạm, phòng ngừa tội phạm và một số nội dung liên quan khác. Tội phạm học nghiên cứu 7 vấn đề cơ bản sau đây: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tội phạm học; Lịch sử ra đời và phát triển của tội phạm học; Tình hình tội phạm; Nguyên nhân của tội phạm; Nhân thân người phạm tội; Dự báo tội phạm; Phòng ngừa tội phạm.

7.50. Khoa học điều tra hình sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Khoa học điều tra hình sự là khoa học pháp lý ứng dụng. Môn học này cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về cách thức tổ chức, tiến hành hoạt động điều tra hình sự nói chung và các biện pháp điều tra hình sự nói riêng nhằm phục vụ công tác điều tra tội phạm một cách có hiệu quả. Môn học được thiết kế dành riêng cho sinh viên yêu thích và có định hướng nghề nghiệp đối với chuyên ngành tư pháp hình sự, sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học tiên quyết.

7.51. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức về: Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Xác lập và thực hiện biện pháp bảo đảm; Biện pháp bảo đảm xác lập theo thỏa thuận; Hiệu lực của hợp đồng bảo đảm và biện pháp bảo đảm; Các biện pháp bảo đảm xác lập và thực hiện theo thỏa thuận; Xử lý tài sản bảo đảm; Điều kiện bảo đảm; Thủ tục và điều kiện của bảo đảm.

7.52. Luật Thi hành án dân sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thi hành án dân sự, nhận biết hệ thống cơ quan thi hành án dân sự, thủ tục thi hành án và các thủ tục khác trong thi hành án dân sự. Học phần được cấu trúc thành các chương: Những vấn đề chung về thi hành án dân sự, Thủ tục thi hành án, Cường chế thi hành án, Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự.

7.53. Luật Thương mại quốc tế (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Tư pháp quốc tế

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế và Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

7.54. Luật học so sánh (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/60)

Môn học trước: Luật Hiến pháp

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Luật so sánh là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật, gồm: Khái niệm, sự hình thành và phát triển của luật học so sánh; Phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh; Kỹ năng sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh; Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luật học so sánh; Phân nhóm các hệ thống pháp luật; Sự hình thành và phát triển, cấu trúc và nguồn luật, một số hệ thống pháp luật của các hệ thống pháp luật thuộc dòng họ Civil law; Những vấn đề cơ bản về dòng họ pháp luật XHCN; Sự hình thành và phát triển, và một số hệ thống pháp luật điển hình của dòng họ Common law; Pháp luật ở các quốc gia chịu ảnh hưởng của đạo Hồi; Đào tạo luật và nghề luật ở các nước trên thế giới.

7.55. Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (0/60/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên ngành luật những kiến thức bổ trợ cần thiết về phong tục, tập quán, tín ngưỡng. Thông qua học phần, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về bối cảnh ra đời, nội dung, đặc điểm của luật tục các dân tộc thiểu số cũng như mối quan hệ giữa luật tục với pháp luật; về sự đa dạng trong các lĩnh vực điều chỉnh của quy phạm luật tục của một số dân tộc, tiêu biểu như: Luật tục dân tộc Thái, Chăm, Ê Đê, Gia Rai,... từ đó phát huy, kế thừa những giá trị xã hội tiến bộ của luật tục, góp phần tích cực xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hạn chế những tàn dư không phù hợp của luật tục với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

7.56. Tiếng Anh chuyên ngành Luật (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Tiếng Anh chuyên ngành luật là học phần dành cho sinh viên hệ chính quy trình độ đại học ngành Luật. Nội dung chính của học phần bao gồm 10 bài đọc về các chủ đề: Hệ thống pháp luật, Nguồn của luật (luật thành văn và thông luật), Hệ thống toà án, Tư pháp hình sự và Tố tụng hình sự, Tố tụng dân sự, Toà hoà giải, Luật Liên minh Châu Âu. Mỗi bài học cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ pháp lý quan trọng song song với củng cố kiến thức ngữ pháp và tăng cường kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng nói ở từng chủ đề.

7.57. Xã hội học đại cương (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học cách nghiên cứu những quy luật và những đặc điểm chung nhất của các hiện tượng và quá trình xã hội. Nó nghiên cứu những mối quan hệ, những cơ cấu chung nhất của hệ thống xã hội. XHH đại cương là hệ thống khái niệm, phạm trù, lý thuyết cơ bản của XHH, là cơ sở lý thuyết cho các ngành XHH chuyên biệt

7.58. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về đời sống tinh thần, thuộc về đời sống tinh thần của người Việt Nam, kể cả đời sống tâm linh, là sự thể hiện tư duy sáng tạo, sáng tác, phát minh, là ý thức về ngôn ngữ, về lịch sử, về kinh tế chính trị xã hội, về đạo đức, về thẩm mỹ của người Việt Nam cùng với những phương thức tiếp nhận những giá trị về đời sống tinh thần trong quan hệ giao lưu với các dân tộc khác.

7.59. Thực tế chuyên môn 1 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (0/90/0/90)

Môn học trước: Luật Hành chính

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Thực tế chuyên môn 1 là hoạt động giáo dục ngoài cơ sở đào tạo để đưa sinh viên đến các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức hoạt động xã hội nghề luật... làm nhiệm vụ quan sát, đánh giá quy trình vận hành của các đơn vị trên, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ của đơn vị chính; nhận xét đánh giá quy trình, công việc đó. Sau khi nghiên cứu rút ra những nhận xét về thực trạng hoạt động của đơn vị đó.

40
NG
OC
HỌ
ING

7.60. Thực tế chuyên môn 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (0/90/0/90)

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hình sự.

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Thực tế chuyên môn 2 là hoạt động giáo dục ngoài cơ sở đào tạo để đưa sinh viên đến các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức hoạt động xã hội nghề luật... làm nhiệm vụ đánh giá quy trình vận hành của các đơn vị trên, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, quy mô, chức năng nhiệm vụ của đơn vị chính; nhận xét đánh giá quy trình, công việc đó. Sau khi nghiên cứu rút ra những nhận xét về thực trạng hoạt động pháp lý của đơn vị đó.

7.61. Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (0/120/0/120)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Luật Hành chính, Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hình sự.

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Hướng dẫn cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thực tập tốt nghiệp và hoàn thành Chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Sinh viên nắm vững những vấn đề cần lưu ý khi tham gia thực tập, cách thức để vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình thực tập. Hình thức và các yêu cầu cụ thể đối với Chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

7.62. Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Khóa luận tốt nghiệp là một môn học quan trọng của quá trình đào tạo nhằm kiểm tra tất cả các khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành Luật.

Học phần giúp người học củng cố và nâng cao kiến thức đã trang bị trong thời gian học tập tại trường, bước đầu vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn công việc và cuộc sống xã hội yêu cầu; rèn luyện khả năng, phân tích, tổng hợp, đề xuất và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực pháp luật; rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng được các vị trí việc làm sau khi ra trường.

Qua quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp, người học có thể tự khám phá kiến thức, thực tiễn cuộc sống và trau dồi các kỹ năng, biết đặt mục tiêu phấn đấu, tự hoàn thiện bản thân, có quyết tâm vượt khó khăn để thực hiện mục tiêu đề ra.

8. Đề cương chi tiết học phần

Thực hiện theo Quyết định số 800a/QĐ-ĐHKH ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành bộ đề cương chi tiết các học phần thuộc các chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Trường Đại học Khoa học.

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo

9.1. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, điều kiện học tập

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định: Nhà trường quản lý và sử dụng Nhà làm việc - Thí nghiệm 5 tầng với diện tích sàn xây dựng là 5.400m², trong đó diện tích phòng làm việc dành cho CB, GV là 1.057m². Các đơn vị trong trường đều được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, điều hoà nhiệt độ, bàn ghế và các phương tiện làm việc khác đáp ứng điều kiện làm việc của đội ngũ CB, GV nhà trường.

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định TCVN 3981:1985 cho việc dạy và học (diện tích học sàn xây dựng là 7.730m²), tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy đạt mức cao 1,4m² (mức chuẩn 0,9-1,5m²); có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định (Bãi tập 2.000m² được sử dụng chung với Khoa Ngoại Ngữ và Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông và 300m² sân bóng rổ. Ngoài ra, nhà trường sử dụng nhà thi đấu Thể dục thể thao của ĐHTN với diện tích xây dựng 3.500m² để phục vụ giảng dạy và học tập). Các thiết bị phục vụ cho tập luyện đáp ứng đủ theo yêu cầu của Bộ môn Giáo dục thể chất.

Hệ thống giảng đường, phòng học lý thuyết (33 phòng) được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, đèn chiếu sáng, quạt mát và đa số được gắn máy chiếu cố định, các phòng chưa có, sử dụng máy chiếu di động được bố trí và quản lý tại phòng chờ GV tại các khu giảng đường, các phòng học ghép, phòng học lớn có các thiết bị âm thanh trợ giảng. Các phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thực hành có biển chỉ dẫn và biển tên rõ ràng. Việc sắp xếp phòng học được thực hiện trên phần mềm IU thuận tiện cho việc quản lý của Nhà trường, theo dõi lịch học, phòng học của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, cụ thể như sau: 100% phòng học đều được lắp đặt máy chiếu, màn chiếu, loa trợ giảng di động, hệ thống âm thanh trợ giảng hiện đại được lắp cố định tại giảng đường lớn.

Trang thiết bị dạy và học được khai thác hiệu quả, phòng thực hành, thí nghiệm được các khoa chuyên môn trực tiếp quản lý sử dụng đúng mục đích các phòng thí nghiệm đều có nhật ký sử dụng thiết bị thí nghiệm. Phòng Quản trị - Phục vụ chuyên trách về công tác quản trị thiết bị, thực hiện quản lý tài sản, kiểm kê tài sản định kỳ để đánh giá chất lượng và đảm bảo tài sản, thiết bị được sử dụng đúng mục đích; lập các quy trình quy định việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cũng như đầu tư mới, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị phục vụ đào tạo. Nhà trường cũng có cơ chế giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng CSVC, trang thiết bị một cách chặt chẽ theo đúng quy định sử dụng trang thiết bị nhà nước đúng mục đích. Định kỳ, hàng năm Nhà trường luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định hiện hành. Hàng năm, phòng Quản trị - Phục vụ phối hợp với phòng KHTC tổng hợp các đề xuất từ các đơn vị trực thuộc để báo cáo lãnh đạo Trường về nhu cầu đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị. Căn cứ nhu cầu thực tế và

nguồn kinh phí của năm tài chính, Hiệu trưởng sẽ ban hành Dự toán phân bổ kinh phí cho các đơn vị, trong đó có kinh phí duyệt cho kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản.

Khoa có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa cũng có một phòng thực hành nghiệp vụ nhằm phục vụ các hoạt động giảng dạy, trao đổi chuyên môn, seminar khoa học và thực hành kỹ năng nghề CTXH.

9.2. Thư viện

Hệ thống tư liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo (cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) từ 02 đơn vị là Trung tâm Học liệu và Công nghệ Thông tin (TTHL&CNTT) - ĐHTN và thư viện của nhà trường (do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học quản lý) vô cùng phong phú, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin và học tập, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên nhà trường. TTHL&CNTT của ĐHTN có diện tích trên 10.000 m², phòng đọc 450 chỗ ngồi và phòng máy tính 400 chỗ cùng với CSVC hiện đại khác; Thư viện trường ĐHKH với diện tích gần 200m², 10 máy tính nối mạng, phòng đọc trên 60m².

TTHL&CNTT có chức năng điều hành và thúc đẩy phát triển hệ thống thông tin - thư viện trong toàn đại học được xây dựng khang trang, tiện nghi, hiện đại với tổng diện tích sử dụng hơn 10.000m². TTHL&CNTT có hệ thống nhiều phòng học, thảo luận nhóm, khu vực học tập yên tĩnh, phòng nghe nhin đa phương tiện theo tiêu chuẩn quốc tế, phòng dành cho các giảng viên ĐHTN và học viên sau đại học, khu vực cà phê, đồ ăn nhẹ, hội trường lớn trên 300 chỗ ngồi trang bị phương tiện nghe nhin hiện đại và hệ thống cầu truyền hình trực tuyến, 400 máy tính nối mạng tốc độ, và một hệ thống trang thiết bị hỗ trợ nghiệp vụ như: máy photocopy và máy in kết nối mạng, máy chiếu, camera, được bố trí lắp đặt hợp lý.

Trường ĐHKH có vị trí gần TTHL&CNTT nên hầu hết CBVC, học viên, SV của nhà trường được sử dụng CSVC và nguồn tài nguyên phong phú của TTHL&CNTT để phục vụ nhu cầu đào tạo, học tập và NCKH, đáp ứng đầy đủ điều kiện của một thư viện hiện đại. Hiện TTHL&CNTT đã sở hữu bộ sưu tập sách lên tới 122.319 cuốn với nhiều lĩnh vực khác nhau từ khoa học xã hội, lịch sử, nhân văn đến khoa học tự nhiên, trái đất, sinh học... trong đó: 27.790 cuốn giáo trình, trên 5.000 cuốn tài liệu tham khảo, 8.794 luận án, luận văn, báo cáo NCKH và tài liệu khác. TTHL cũng sở hữu 45.436 tài liệu điện tử, trong đó: 3.366 giáo trình điện tử, 8.069 tài liệu chuyên khảo, tham khảo, 8.345 luận văn luận án, 8.812 kết quả nghiên cứu, 651 bài giảng điện tử, 16.043 bài trích báo, tạp chí, 150 tài liệu nghe nhin Tất cả tài nguyên thông tin của TTHL đều được quản lý bằng phần mềm thư viện Elib do cán bộ TTHL viết và Ilib 4.0 của CMC và xử lý dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế của ngành thư viện như: Dublin code, DDC, MARC21, AACR2. Định kỳ hằng năm, TTHL&CNTT phối hợp với trường ĐHKH bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho các đơn vị trong nhà trường.

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học, có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả. Thư

viện trường ĐHKH có nguồn học liệu trên 4.600 đầu sách in (tương đương 17.240 cuốn) và gần 2.200 tài liệu điện tử, chiếm 47% nguồn học liệu (trong đó chủ yếu là luận văn và luận án) được quản lý trên phần mềm ELIB với đầy đủ các chức năng của một cổng thông tin thư viện hiện đại và kết nối trực tiếp với nguồn học liệu điện tử của TTHL trên trang website: <http://lib.tnus.edu.vn>. Thư viện của Nhà trường với 4 phụng có diện tích 158m², máy vi tính kết nối Internet. Hàng năm, nhà trường dành một phần kinh phí hợp lý từ nguồn thu học phí để bổ sung nguồn tài liệu cũng như cải tiến chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ của CBVC và người học.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, và của trường Đại học Khoa học.

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 tiết thí nghiệm hoặc thực hành
- = 30 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

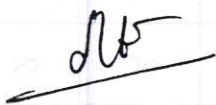
Số giờ của môn học là bội số của 15.


11.2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của Trường Đại học Khoa học và Đại học Thái Nguyên. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà sinh viên được phép đăng ký. Sinh viên có thể tự học hoặc đăng ký học theo chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ của Nhà trường.

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO -
QLKH & HTQT

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Phú Hồng Lưu





PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng

Kỹ năng giao tiếp Communication skill	2					3					3							
Kỹ thuật soạn thảo văn bản Legal text editing skill	2					3					3							
Giáo dục thể chất 1																		
Học kỳ 2																		
Tiếng Anh 2 English 2	2										2	2	2					
Tiếng Việt thực hành Vietnamese theory and practice	2									3								
Triết học Mác - Lê nin Philosophy of marxism and Leninism nin	2					3					2	2	3					
Logic học Logic	2										2	2						
Luật Hiến pháp Constitutional Law		2				3					3	3	2	3				
Luật Hành chính Administrative Law		2									3	3						3
Giáo dục thể chất 2																		

Pháp luật An sinh xã hội Law on Social Security		2		3	3					3						3	3	3	3
Đạo đức nghề luật Legal Morality		2		3	3					3						3	3	3	3
Thực tế chuyên môn 2		3		3	3					4	3					3	3	3	3
Học kỳ 7																			
Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh 's thought	2			2						2									
Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2			2						2									
Xã hội học đại cương Society science	2			3						2									
Tự chọn 1																			
Tội phạm học Criminology		2		3	3					3	3								
Khoa học điều tra hình sự Criminal Investigation Science		2		3	3					3	3								
Pháp luật về công chứng, chứng thực Law on notarization and		2		3	3					3	3								

PHỤ LỤC 2: LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG - NGÀNH LUẬT

Học phần	Chuẩn đầu ra																
	1				2				3				4				
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ 1	2.0			2.0		2.3	2.7		2.6		2.6		2.7			2.8	3.0
Học kỳ 2	2.0	2.0		2.5	2.0	2.3	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.8				3.0
Học kỳ 3	2.0	2.0		2.8	2.3	2.6	3.0	2.7	3.0	3.0	3.0	3.0	2.8				3.0
Học kỳ 4		2.0	3.0	2.9	3.0	3.0	3.0		3.0	3.0		3.0	2.8		2.0	3.0	3.0
Học kỳ 5		2.0		2.8	3.0			2.7	3.0					3.0	3.0		3.0
Học kỳ 6		2.9	3.0	2.8	3.0	3.0			3.0	3.0		3.0	3.0		3.0	3.0	3.0
Học kỳ 7	2.0	2.8	3.0	2.8	3.7	3.0	3.0	3.4	3.2	3.5			3.3	3.0	3.0	3.0	3.0
Học kỳ 8		3.5	3.5	3.5	4.0	3.5	4.0	4.0	4.0	4.0	3.5	3.5	4.0	3.5	3.5	3.5	4.0

PHỤ LỤC 3: SƠ ĐỒ TƯƠNG QUAN CỦA CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

